

Số: 168/KH-LTK

Tân Bình, ngày 03 tháng 9 năm 2020

KẾ HOẠCH

Thực hiện công khai trong cơ sở giáo dục Năm học 2020 -2021

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THCS Lý Thường Kiệt xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai trong năm học 2020 - 2021 như sau:

I.Mục tiêu thực hiện công khai

Minh bạch các thông tin có liên quan của cơ sở giáo dục để nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động, người học, gia đình người học và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của cơ sở giáo dục.

Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục. Tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục.

II.Nguyên tắc thực hiện công khai

Việc thực hiện công khai của đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế ban hành theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông tin được công khai tại cơ sở giáo dục và đào tạo và trên trang thông tin điện tử theo quy định tại Quy chế ban hành theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

III. Nội dung thực hiện

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a. Cam kết chất lượng giáo dục:

Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (*Biểu mẫu 09*).

b. Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh học 2 buổi/ngày; số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, học sinh nam/học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và cơ sở giáo dục chuyên biệt (*Theo Biểu mẫu 10*).

c. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d. Kiểm định nhà trường

Công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

a. Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (*theo Biểu mẫu 11*).

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (*theo Biểu mẫu 12*).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Các khoản chi theo từng năm học

Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của

giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chỉ đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị;

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội;

d) Mức thu học phí và các khoản thu khác cho từng năm học và cả khóa học.

e) Các nguồn thu ngoài học phí:

Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác.

f) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

III. Hình thức và thời điểm công khai

1. Hình thức

Niêm yết công khai tại nhà trường
<https://thcslythuongkiettanbinh.hcm.edu.vn>

Công khai trong các kỳ họp, đại hội ban đại diện CMHS, Hội nghị cán bộ viên chức.

2. Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 6 hàng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

IV. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

+ Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện công khai trong cơ sở giáo dục năm học 2020 - 2021 của trường THCS Lý Thường Kiệt.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (để báo cáo);
- Công khai thông báo trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Nguyễn Thiên Trang

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT

THÔNG BÁO

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2020-2021

Stt	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh trong độ tuổi quy định của Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT			
		Hoàn thành chương trình cấp tiểu học, đủ điều kiện học lớp 6 theo kế hoạch tuyển sinh của trường	Hoàn thành chương trình học lớp 6, được lên lớp. Nhà trường còn khả năng tiếp nhận	Hoàn thành chương trình học lớp 7, được lên lớp. Nhà trường còn khả năng tiếp nhận	Hoàn thành chương trình học lớp 8, được lên lớp. Nhà trường còn khả năng tiếp nhận
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục bậc THCS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình;	Thường xuyên phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và Cha Mẹ học sinh nhằm mục tiêu giáo dục học sinh			
	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Học tập nghiêm túc, tích cực, chấp hành Nội quy của nhà trường			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tổ chức hoạt động ngoại khóa, NGLL, Đoàn, Đội và các phong trào văn hóa, văn nghệ, TDTT...			

V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<p>Hạnh kiểm Khá Tốt từ 90% trở lên;</p> <p>Học lực từ Trung bình trở lên là 85% trở lên;</p> <p>Sức khỏe tốt</p>			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đủ trình độ học tập tiếp tục lớp 7	Đủ trình độ học tập tiếp tục lớp 8	Đủ trình độ học tập tiếp tục lớp 9	Đủ trình độ học tập tiếp tục lớp 10

Tân Bình, ngày 03 tháng 9 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG




Ngô Nguyễn Thiên Trang

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT

THÔNG BÁO

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế năm học 2019-2020

Stt	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo Hạnh kiểm					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	734 88.01%	191 92.27%	177 85.92%	178 85.99%	188 87.85%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	95 11.39%	15 7.25%	26 12.62%	28 13.53%	26 12.15%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	3 0.36%	1 0.48%	2 0.97%		
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo Học lực					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	342 41.01%	78 37.68%	79 38.35%	91 43.96%	94 43.93%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	300 35.97%	73 35.27%	76 36.89%	72 34.78%	79 36.92%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	182 21.82%	49 23.67%	49 23.79%	43 20.77%	41 19.16%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	04 0.47%	04 1.93%	0	0	0

5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
---	-------------------------------	--	--	--	--	--

Stt	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	830 99.52%	190 97.93%	206 100%	207 100%	214 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	339 40.65%	78 37.68%	78 37.68%	89 43.0%	94 43.93%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	302 36.21%	73 35.27%	76 36.89%	74 35.75%	79 36,92%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	18	10	5	3	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	4 0.47%	4 1.93%	0	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	16 1.91%	1 0.48%	5 2.42%	4 1.93%	5 2.33%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	14 1.67%	4 1.93%	3 1.45%	3 1.144%	4 1.86%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện/quận					17
2	Cấp tỉnh/thành phố					21

3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	214				214
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	214				214
Stt	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					83 38.78
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					53 24.76
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					78 36.44
VII	Số học sinh thi đỗ tuyển sinh vào lớp 10 (tỷ lệ so với tổng số)					142 80.68%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	438//396	100/107	110/96	107/100	121/93
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	90	29	17	22	22

Tân Bình, ngày 03 tháng 9 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Nguyễn Thiên Trang

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT

THÔNG BÁO

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	1	Số m ² /HS
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	22	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	2	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1,18	-
8	Bình quân học sinh/lớp	28,03	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	2088,5	2,24
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1249,5	1,34
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	56	1,93
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	169,2	0,18
3	Diện tích thư viện (m ²)	154,72	0,17
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	49	0,05
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp...		
1.2	Khối lớp...		
1.3	Khối lớp...		

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2.1	Khôi lớp...		
2.2	Khôi lớp...		
2.3	Khôi lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	80	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	7	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...		
6		
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	7	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...		
..		

	Nội dung	Số lượng (m2)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
XIV	Nhà vệ sinh					
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Tân Bình, ngày 03 tháng 9 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG


Ngô Nguyễn Thiên Trang

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT

THÔNG BÁO

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên năm học 2020-2021

Stt	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp		Chuẩn nghề nghiệp	
			ThS	ĐH	CĐ	Dưới TC	II	III	XS	Khá
	Tổng số GV, CBQL, NV	51	5	35	10	0	26	25	7	28
I	Giáo viên	45	4	32	9	0	23	22	4	28
	Trong đó GV dạy môn									
1	Toán học	9	2	7			4	5	1	8
2	Vật Lý	2		2			1	1	0	0
3	Hóa học	2		2			2		0	1
4	Sinh học	4		4			2	2	0	4
5	Ngoại ngữ	5		3	2		3	2	0	5
6	Văn học	5	2	2	1		4	1	1	4
7	Lịch Sử	3		3			1	2	0	0
8	Địa lý	2		1	1		1	1	0	1
9	GDCD	2		2			2		0	1
10	Công nghệ	4		1	3		1	3	1	0
11	Âm Nhạc	1			1				0	1
12	Mỹ thuật	0					1			
13	Thể dục	4		3	1		1	3	1	3
14	Tin học	2		2			2		0	2
II	Cán bộ quản lý	3	1	2	0	0	3	0	3	0
1	Hiệu trưởng	1	1				1		1	
2	Phó hiệu trưởng	2		2			2		2	
III	Nhân viên	3	0	1	1	0	0	1	0	3
1	Văn thư	0								

2	Kế toán	0			0					0	
3	Thủ quỹ	1	0	0	0	0			1		
		Tổng	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp		Chuẩn nghề nghiệp		
Stt	Nội dung	số	ThS	ĐH	CĐ	DướiTC	II	III	XS	Khá	
4	Y tế	0									
5	Thư viện	1			1			1	1		
6	TB, TN	1		1				1	1		
7	CNTT	0									
8	Hỗ trợ GD người khuyết tật	0									
9	Bảo vệ	0									
10	Phục vụ	0								0	

Tân Bình, ngày 03 tháng 9 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Nguyễn Thiên Trang